

Bản án số: **82/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 21-5-2024

V/v: “Ly hôn và tranh chấp nuôi con
chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN, TỈNH QUẢNG NAM

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Thế.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Lương THnh.
2. Bà Nguyễn Thị T Thủy.

- Th ký phiên tòa: Ông Hồ Công Tuấn, Th ký Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Nhật Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 370/2023/TLST-HNGĐ ngày 07/11/2023 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thu H, sinh năm: 1979. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1983. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ 3, thôn X, xã Đ, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/10/2021, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Thu H trình bày: Tôi và ông T cưới nhau năm 2009, có tổ chức đăng ký kết hôn năm 2011 tại UBND xã Đ, thị xã Điện Bàn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 61 ngày 01/8/2011; việc kết hôn là tự nguyện. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do ông T cờ bạc, ham chơi không quan tâm đến gia đình, vợ con nên vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung và mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thể Hn gắn được. Từ khi xin ly hôn tôi và 02 con đã thuê trọ ở riêng và vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay tôi nhận thấy mâu thuẫn giữa tôi và ông T ngày càng trầm trọng nên chúng tôi không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Vì vậy, tôi yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày

08/02/2011 và Nguyễn Lê Anh Th, sinh ngày 17/8/2015. Khi ly hôn, tôi yêu cầu được nuôi hai con vì hiện nay các con đang do tôi trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 01/02/2024, bị đơn - ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông thống nhất với bà H về thời gian, điều kiện kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn như bà H trình bày là đúng. Tuy nhiên, ông vẫn còn thương yêu vợ con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 08/02/2011 và Nguyễn Lê Anh Th, sinh ngày 17/8/2015.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81 và Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà H được ly hôn với ông T và giao con chung cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu nên không đề nghị xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Bị đơn – ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lê Thị Thu H có quan hệ hôn nhân với ông Nguyễn Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn X, xã Đ, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Bà H xin ly hôn với ông T và yêu cầu được nuôi con nên quan hệ pháp luật được giải quyết là “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T tự nguyện tìm hiểu và đến với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận kết hôn số 61 ngày 01/8/2011 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, giữa bà H và ông T xảy ra mâu thuẫn; theo bà H nguyên nhân là do ông T không lo làm ăn, cờ bạc và không quan tâm đến gia đình, vợ con nên vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Vì vậy, bà H yêu cầu được ly hôn với ông T.

Tại biên bản xác minh ngày 13/4/2024, UBND xã Đ cung cấp: Địa phương không rõ nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà H và ông T. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T vắng mặt, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Hiện nay, bà H và ông T không còn chung sống với nhau, bà H và các con đã về nH mẹ ruột sinh sống. Điều này thể hiện mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng giữa bà H và ông T không thể hòa giải được, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ và áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[3] Về nuôi con chung: Bà H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, ông T không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến gì về việc nuôi con. Hiện nay các con chung đang do bà H trực tiếp nuôi dưỡng và tại các bản tự khai, các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ để đảm bảo việc học tập. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định trong sinh hoạt và sự phát triển về mọi mặt của các cháu, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình xử giao cháu V và cháu Th cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu nên không xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về án phí: Bà Lê Thị Thu H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147 và khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu H về việc “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung*”.

1. Về hôn nhân: Cho bà Lê Thị Thu H được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 08/02/2011 và cháu Nguyễn Lê Anh Th, sinh ngày 17/8/2015 cho bà Lê Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí Hôn nhân gia đình: 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, bà Lê Thị Thu H phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014046 ngày 07/11/2023 của Chi cục Thi Hành án dân sự thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 21/5/2024); bị đơn vắng mặt có quyền đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thị xã Điện Bàn;
- Chi cục THADS thị xã Điện Bàn ;
- UBND phường Đ; Điện Bàn;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Văn Thế

